

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt,
công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển,
ứng dụng năng lượng nguyên tử**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nội dung quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử, hợp phần quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

1. Nội dung quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử (sau đây gọi tắt là quy hoạch) thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Năng lượng nguyên tử được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Điều 15 Luật sửa đổi, bổ sung 37 luật có liên quan đến quy hoạch.



Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý; xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế, chính sách; phát triển nguồn nhân lực; xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; bảo đảm an toàn, an ninh; nâng cao nhận thức và sự ủng hộ của cộng đồng; đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế; đầu tư, tài chính và huy động vốn; tổ chức thực hiện quy hoạch.

2. Hợp phần quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử (sau đây gọi tắt là hợp phần quy hoạch) là một nội dung của quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử được lập để thực hiện việc tích hợp quy hoạch.

3. Các hợp phần quy hoạch bao gồm:

a) Hợp phần quy hoạch phát triển, ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ trong ngành y tế: y học hạt nhân, xạ trị, điện quang;

b) Hợp phần quy hoạch phát triển, ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ trong ngành tài nguyên và môi trường: khí tượng, thủy văn, tài nguyên nước, địa chất, khoáng sản, bảo vệ môi trường;

c) Hợp phần quy hoạch phát triển, ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ trong ngành nông nghiệp: chọn tạo giống cây trồng, vi sinh vật; bảo vệ thực vật; nông hoá, thổ nhưỡng và dinh dưỡng cây trồng; chăn nuôi, thú y; nuôi trồng thủy sản; bảo quản và chế biến sau thu hoạch;

d) Hợp phần quy hoạch phát triển, ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ trong ngành công nghiệp;

đ) Các hợp phần quy hoạch khác được xác định trong giai đoạn lập nhiệm vụ lập quy hoạch.

Điều 4. Thời kỳ quy hoạch, thời hạn lập quy hoạch

Thời kỳ quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử là 10 năm, tầm nhìn của quy hoạch là từ 30 năm đến 50 năm. Thời hạn lập hợp phần quy hoạch không quá 18 tháng, thời hạn lập quy hoạch không quá 30 tháng kể từ ngày nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt.

Điều 5. Hoạt động quy hoạch

1. Lập quy hoạch:

a) Lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;

b) Tổ chức lập quy hoạch.

2. Thẩm định quy hoạch.

3. Phê duyệt quy hoạch.

4. Công bố quy hoạch.
5. Thực hiện quy hoạch.
6. Đánh giá quy hoạch.
7. Điều chỉnh quy hoạch.

Điều 6. Chi phí cho hoạt động quy hoạch

1. Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, được áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật về giá, định mức trong hoạt động quy hoạch.

2. Chi phí thực hiện quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch, cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch, cơ quan lập hợp phần quy hoạch

1. Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan tổ chức lập quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

2. Bộ Y tế tổ chức lập hợp phần quy hoạch trong ngành y tế; Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập hợp phần quy hoạch trong ngành tài nguyên và môi trường; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức lập hợp phần quy hoạch trong ngành nông nghiệp; Bộ Công Thương tổ chức lập hợp phần quy hoạch trong ngành công nghiệp.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tổ chức có liên quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Cơ quan lập quy hoạch do Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định; cơ quan lập hợp phần quy hoạch do cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch quyết định.

Chương II LẬP QUY HOẠCH

Mục 1 NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH

Điều 8. Lập nhiệm vụ lập quy hoạch

1. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch và các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan tổ chức lập nhiệm vụ lập quy hoạch.

2. Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan lập hợp phần quy hoạch, các cơ quan, tổ chức liên quan lập nhiệm vụ lập quy hoạch, bao gồm các hoạt động sau đây:

a) Xây dựng thuyết minh bao gồm việc xác định phạm vi nghiên cứu, nội dung cụ thể của quy hoạch, xác định các hợp phần quy hoạch cần lập và nội dung cụ thể từng hợp phần quy hoạch phù hợp với nội dung quy hoạch cần lập, đề xuất phân công cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch, dự toán kinh phí lập nhiệm vụ lập quy hoạch bao gồm kinh phí thuê chuyên gia tư vấn, trình Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

b) Lập nhiệm vụ lập quy hoạch theo thuyết minh và dự toán kinh phí được phê duyệt, xây dựng báo cáo nhiệm vụ lập quy hoạch;

c) Trình Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch; hoàn thiện nhiệm vụ lập quy hoạch trên cơ sở kết luận của Hội đồng thẩm định, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch.

Điều 9. Báo cáo nhiệm vụ lập quy hoạch

Báo cáo nhiệm vụ lập quy hoạch bao gồm các nội dung chính sau đây:

1. Căn cứ lập quy hoạch.
2. Phạm vi, thời kỳ quy hoạch, tầm nhìn của quy hoạch.
3. Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch.
4. Rà soát, đánh giá tổng quan quy hoạch thời kỳ trước và triển vọng, nhu cầu phát triển và nguồn nhân lực trong thời kỳ quy hoạch.
5. Nội dung cụ thể của quy hoạch và các hợp phần quy hoạch.
6. Phương pháp lập quy hoạch; quy trình tích hợp quy hoạch.
7. Thành phần, số lượng và tiêu chuẩn, quy cách sản phẩm quy hoạch.
8. Thời hạn lập quy hoạch, kế hoạch, tiến độ lập quy hoạch và các hợp phần quy hoạch.
9. Chi phí lập quy hoạch và các hợp phần quy hoạch.
10. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc tổ chức lập quy hoạch.

Điều 10. Tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch và phân công cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch.

2. Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch có tối thiểu 11 thành viên. Thành phần Hội đồng thẩm định bao gồm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên. Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ, thành viên của Hội đồng bao gồm đại diện Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, tổ chức có liên quan, chuyên gia trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

3. Hội đồng thẩm định chịu trách nhiệm thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch và giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, thảo luận công khai, biểu quyết theo đa số. Phiên họp thẩm định được tiến hành khi có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng thẩm định dự họp, trong đó có Chủ tịch Hội đồng thẩm định, đại diện cơ quan thường trực Hội đồng và có mặt đại diện cơ quan lập quy hoạch. Nhiệm vụ lập quy hoạch đủ điều kiện trình phê duyệt khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng thẩm định dự họp bỏ phiếu đồng ý thông qua hoặc thông qua có chỉnh sửa.

4. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, nghiên cứu và xử lý hồ sơ, cung cấp hồ sơ trình thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch cho các thành viên của Hội đồng thẩm định nghiên cứu tham gia ý kiến, tổ chức họp Hội đồng thẩm định, lập biên bản cuộc họp Hội đồng thẩm định; yêu cầu cơ quan lập quy hoạch chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hoặc xây dựng lại nhiệm vụ lập quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định; tổ chức thẩm định lại nhiệm vụ lập quy hoạch trong trường hợp nhiệm vụ lập quy hoạch không được thông qua; dự thảo Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định phê duyệt; được sử dụng kinh phí, bộ máy, phương tiện và con dấu của cơ quan, đơn vị mình để thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Hồ sơ trình thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch gồm các tài liệu sau đây:

a) Tờ trình;

b) Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;

c) Báo cáo nhiệm vụ lập quy hoạch quy định tại Điều 9 Nghị định này;

d) Tài liệu khác (nếu có).

6. Nội dung thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch:

a) Sự phù hợp của các căn cứ pháp lý;

b) Sự phù hợp, tính khoa học, độ tin cậy của nội dung, phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch;

c) Sự tương thích giữa các hợp phần quy hoạch với nội dung quy hoạch cần lập;

d) Sự phù hợp giữa nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch với dự toán chi phí và nguồn vốn để lập quy hoạch;

đ) Tính khả thi của kế hoạch lập quy hoạch.

7. Thời gian thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch không quá 30 ngày tính từ ngày cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định nhận đủ hồ sơ trình thẩm định.

8. Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch:

a) Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch phải thể hiện rõ ý kiến của Hội đồng thẩm định về nội dung thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch;

b) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày kết thúc thẩm định, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định gửi Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tới cơ quan lập quy hoạch;

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch.

Điều 11. Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch

1. Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch.

2. Hồ sơ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch gồm các tài liệu sau đây:

a) Tờ trình;

b) Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;

c) Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch;

d) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến Hội đồng thẩm định về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch;

đ) Báo cáo nhiệm vụ lập quy hoạch đã chỉnh lý, hoàn thiện;

e) Tài liệu khác (nếu có).

3. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, căn cứ lập quy hoạch, phạm vi quy hoạch;
- b) Yêu cầu về quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch;
- c) Nội dung chính của quy hoạch và các hợp phần quy hoạch;
- d) Phương pháp lập quy hoạch;
- đ) Yêu cầu về rà soát, đánh giá quy hoạch thời kỳ trước;
- e) Yêu cầu về dự báo triển vọng, nhu cầu phát triển và nguồn nhân lực trong thời kỳ quy hoạch;
- g) Thời hạn lập quy hoạch, kế hoạch, tiến độ lập quy hoạch;
- h) Quy định về thành phần, số lượng và tiêu chuẩn, quy cách sản phẩm quy hoạch;
- i) Chi phí lập quy hoạch, chi phí lập từng hợp phần quy hoạch;
- k) Phân công trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương và cơ quan liên quan trong việc tổ chức lập quy hoạch.

Mục 2 **TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH**

Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan tổ chức lập quy hoạch

1. Chủ trì, phối hợp với cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch và các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan tổ chức lập quy hoạch theo nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt.
2. Đôn đốc, theo dõi và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình lập quy hoạch.
3. Xem xét, quyết định phương án tích hợp các hợp phần quy hoạch vào quy hoạch trên cơ sở đề xuất của cơ quan lập quy hoạch, báo cáo Thủ tướng Chính phủ khi cần thiết.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch

1. Tổ chức lập hợp phần quy hoạch theo nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt.

2. Cung cấp thông tin, số liệu có liên quan đến việc lập hợp phần quy hoạch cho cơ quan tổ chức lập quy hoạch.

3. Thành lập Hội đồng thẩm định hợp phần quy hoạch và tổ chức thẩm định hợp phần quy hoạch; chỉ đạo cơ quan lập hợp phần quy hoạch nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để hoàn thiện hồ sơ hợp phần quy hoạch; có văn bản gửi Bộ Khoa học và Công nghệ hồ sơ hợp phần quy hoạch đã được thẩm định và hoàn thiện.

Việc thẩm định hợp phần quy hoạch được áp dụng các quy định tại Mục 1 Chương III Nghị định này phù hợp với hợp phần quy hoạch.

4. Phối hợp với cơ quan tổ chức lập quy hoạch thực hiện việc tích hợp hợp phần quy hoạch vào quy hoạch.

Điều 14. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu trong phạm vi quản lý của mình phục vụ hoạt động quy hoạch.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn khoản 1 Điều này.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan lập quy hoạch

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện kế hoạch lập quy hoạch theo nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt bao gồm các hoạt động sau đây:

a) Cơ quan lập quy hoạch được lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về đấu thầu, được thuê chuyên gia tư vấn trong nước và nước ngoài đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 19 Nghị định này; báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định trong trường hợp không có tổ chức tư vấn đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 19 Nghị định này;

b) Tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu liên quan đến quy hoạch; phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử; đề xuất các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu, các định hướng ưu tiên phát triển làm cơ sở lập quy hoạch và các hợp phần quy hoạch; định hướng nghiên cứu và giới hạn nội dung, phạm vi nghiên cứu đối với hợp phần quy hoạch để cơ quan lập hợp phần quy hoạch thực hiện;

c) Nghiên cứu, xây dựng các nội dung được giao trong nhiệm vụ lập quy hoạch.

2. Chủ trì, phối hợp với cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch thực hiện việc tích hợp quy hoạch.

3. Hoàn thiện hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ để gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 20 Nghị định này; tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch.

4. Hoàn thiện hồ sơ quy hoạch trên cơ sở kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch, báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch.

Điều 16. Trách nhiệm của cơ quan lập hợp phần quy hoạch

1. Cơ quan lập hợp phần quy hoạch được lựa chọn tổ chức tư vấn lập hợp phần quy hoạch theo quy định của pháp luật về đấu thầu, được thuê chuyên gia tư vấn trong nước và nước ngoài đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 19 Nghị định này; báo cáo cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch xem xét, quyết định trong trường hợp không có tổ chức tư vấn đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 19 Nghị định này.

2. Lập hợp phần quy hoạch theo nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt và yêu cầu của cơ quan lập quy hoạch; điều chỉnh, bổ sung nội dung hợp phần quy hoạch được phân công lập khi có yêu cầu của cơ quan lập quy hoạch.

3. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu trình Hội đồng thẩm định hợp phần quy hoạch. Hoàn thiện hồ sơ hợp phần quy hoạch trên cơ sở kết luận của Hội đồng thẩm định.

4. Phối hợp với cơ quan lập quy hoạch thực hiện việc tích hợp quy hoạch.

Điều 17. Tích hợp quy hoạch

1. Việc tích hợp quy hoạch được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch có liên quan phù hợp với quy hoạch cần lập, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, hiệu quả của quy hoạch, không chồng chéo, mâu thuẫn.

2. Trong quá trình tích hợp, nếu còn có ý kiến khác nhau về việc tích hợp quy hoạch thì Bộ Khoa học và Công nghệ trao đổi, thống nhất với cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch, báo cáo Thủ tướng Chính phủ khi cần thiết.

Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức tư vấn lập quy hoạch, tổ chức tư vấn lập hợp phần quy hoạch

1. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch phải có tư cách pháp nhân và có trách nhiệm chính sau đây:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan lập quy hoạch đối với nội dung của hợp đồng tư vấn về số lượng, thời gian thực hiện và chất lượng của sản phẩm quy hoạch;

b) Phối hợp với cơ quan lập hợp phần quy hoạch và tổ chức tư vấn lập hợp phần quy hoạch trong quá trình lập quy hoạch và tích hợp các hợp phần quy hoạch vào quy hoạch cần lập;

c) Nghiên cứu, đề xuất nguyên tắc, cách thức tích hợp các hợp phần quy hoạch vào quy hoạch.

2. Tổ chức tư vấn lập hợp phần quy hoạch phải có tư cách pháp nhân và có trách nhiệm chính sau đây:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch về số lượng, thời gian thực hiện và chất lượng của sản phẩm quy hoạch;

b) Phối hợp với cơ quan lập hợp phần quy hoạch thực hiện lập hợp phần quy hoạch;

c) Phối hợp với tổ chức tư vấn lập quy hoạch nghiên cứu, đề xuất nguyên tắc, cách thức tích hợp các hợp phần quy hoạch vào quy hoạch.

Điều 19. Năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch, tổ chức tư vấn lập hợp phần quy hoạch

1. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch phải có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn đáp ứng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và ít nhất 02 chuyên gia tư vấn có chuyên ngành khác nhau đáp ứng quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Tổ chức tư vấn lập hợp phần quy hoạch phải có ít nhất 02 chuyên gia tư vấn đáp ứng quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

2. Yêu cầu đối với chuyên gia tư vấn trong nước:

a) Chuyên gia tư vấn là chủ nhiệm dự án quy hoạch phải có bằng đại học trở lên và có ít nhất 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực liên quan đến quy hoạch cần lập, đã chủ trì lập ít nhất 01 quy hoạch hoặc chiến lược, kế hoạch, đề án trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hoặc tham gia trực tiếp lập ít nhất 02 quy hoạch hoặc chiến lược, kế hoạch, đề án trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Chuyên gia tư vấn chủ trì lập hợp phần quy hoạch phải có bằng đại học trở lên thuộc chuyên ngành liên quan đến hợp phần quy hoạch cần lập, đã chủ trì hoặc tham gia trực tiếp lập ít nhất 01 quy hoạch hoặc chiến lược, kế hoạch, đề án trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chuyên gia tư vấn nước ngoài do cơ quan lập quy hoạch, cơ quan lập hợp phần quy hoạch lựa chọn và báo cáo Thủ trưởng cơ quan tổ chức lập quy hoạch, cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch quyết định.

Điều 20. Lấy ý kiến về quy hoạch

1. Đối tượng lấy ý kiến về quy hoạch gồm Hội đồng phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử quốc gia, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quy hoạch.

2. Trường hợp quy hoạch có liên quan đến biên giới, hải đảo, vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh, cơ quan tổ chức lập quy hoạch phải thống nhất với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ Ngoại giao về nội dung quy hoạch trước khi gửi lấy ý kiến về quy hoạch.

3. Nội dung dự thảo quy hoạch, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch, cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch, cơ quan lập hợp phần quy hoạch trong thời gian ít nhất 30 ngày tính từ ngày gửi hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Việc lấy ý kiến về quy hoạch được thực hiện như sau:

a) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch gồm báo cáo quy hoạch, hệ thống sơ đồ, bản đồ (nếu có) thể hiện nội dung quy hoạch;

b) Các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày, tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch;

c) Cơ quan lập quy hoạch tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến, báo cáo cơ quan tổ chức lập quy hoạch xem xét trước khi trình thẩm định quy hoạch.

Chương III

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, CÔNG BỐ QUY HOẠCH

Mục 1

THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH

Điều 21. Hội đồng thẩm định quy hoạch

1. Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch.

2. Hội đồng thẩm định quy hoạch có tối thiểu 11 thành viên. Thành phần Hội đồng bao gồm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên. Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, thành viên của Hội đồng bao gồm đại

diện Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, đại diện cơ quan lập quy hoạch, các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, tổ chức có liên quan, chuyên gia trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử. Hội đồng thẩm định quy hoạch phải có ít nhất 03 thành viên là ủy viên phản biện; ủy viên phản biện phải có ít nhất 10 năm kinh nghiệm và năng lực chuyên môn phù hợp với quy hoạch cần lập.

3. Chủ tịch Hội đồng thẩm định có trách nhiệm và quyền hạn:

a) Chịu trách nhiệm về hoạt động của Hội đồng thẩm định; tổ chức, điều hành các cuộc họp của Hội đồng thẩm định;

b) Phân công cơ quan thường trực Hội đồng và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng thẩm định;

c) Phê duyệt báo cáo thẩm định quy hoạch.

4. Thành viên Hội đồng thẩm định có trách nhiệm và quyền hạn:

a) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng thẩm định;

b) Nghiên cứu hồ sơ trình thẩm định quy hoạch, chuẩn bị ý kiến tham gia bằng văn bản tại cuộc họp của Hội đồng thẩm định về lĩnh vực chuyên môn và các vấn đề chung; gửi ý kiến góp ý bằng văn bản về dự thảo báo cáo thẩm định quy hoạch tới cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch để tổng hợp; phối hợp với cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch rà soát các nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định trong hồ sơ, tài liệu quy hoạch trước khi hồ sơ, tài liệu quy hoạch được đóng dấu xác nhận;

c) Được quyền bảo lưu ý kiến của mình.

5. Ủy viên phản biện có trách nhiệm và quyền hạn:

a) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng thẩm định;

b) Nghiên cứu hồ sơ trình thẩm định quy hoạch, chuẩn bị ý kiến phản biện bằng văn bản gửi cho cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định để tổng hợp;

c) Được nhận thù lao phản biện quy hoạch theo quy định.

Điều 22. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch

1. Tiếp nhận, nghiên cứu và xử lý hồ sơ, tài liệu trình thẩm định do cơ quan lập quy hoạch gửi tới Hội đồng thẩm định.

2. Xây dựng, trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch thông qua kế hoạch tổ chức thẩm định quy hoạch hoặc thẩm định lại quy hoạch trong trường hợp quy hoạch chưa đủ điều kiện trình phê duyệt theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch.

3. Cung cấp hồ sơ, tài liệu cho thành viên Hội đồng thẩm định nghiên cứu tham gia ý kiến đối với quy hoạch.

4. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng thẩm định cho phép tổ chức họp, hội nghị, hội thảo đánh giá các chuyên đề liên quan đến quy hoạch trước khi họp Hội đồng thẩm định.

5. Tổng hợp các ý kiến nhận xét, đánh giá của ủy viên phản biện, ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định và các ý kiến khác, báo cáo Hội đồng thẩm định.

6. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để Hội đồng thẩm định tiến hành phiên họp thẩm định quy hoạch.

7. Lập Biên bản họp thẩm định quy hoạch.

8. Yêu cầu cơ quan lập quy hoạch chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện báo cáo quy hoạch và các tài liệu liên quan theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch.

9. Lập báo cáo thẩm định quy hoạch; lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch đối với dự thảo báo cáo thẩm định quy hoạch; hoàn thiện báo cáo thẩm định quy hoạch trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch phê duyệt.

10. Chủ trì, phối hợp với thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch rà soát hồ sơ, tài liệu quy hoạch đã được bổ sung, hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch; đóng dấu; xác nhận vào hồ sơ, tài liệu quy hoạch.

11. Sử dụng kinh phí, bộ máy, phương tiện và con dấu của cơ quan, đơn vị mình để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 23. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch

1. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch gồm các tài liệu chủ yếu sau đây:

a) Tờ trình;

b) Báo cáo quy hoạch bao gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt về nội dung quy hoạch;

c) Dự thảo văn bản quyết định phê duyệt quy hoạch;

d) Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch;

đ) Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch (nếu có).

2. Hội đồng thẩm định quy hoạch chỉ tổ chức thẩm định khi nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định có quyền yêu cầu cơ quan trình thẩm định quy hoạch cung cấp thêm thông tin, giải trình về các nội dung liên quan.

3. Thời gian thẩm định quy hoạch không quá 60 ngày, kể từ ngày cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định nhận đủ hồ sơ trình thẩm định.

Điều 24. Nội dung thẩm định quy hoạch

Nội dung thẩm định quy hoạch tập trung vào các vấn đề sau đây:

1. Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt;

2. Sự phù hợp với quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử;

3. Việc tích hợp các nội dung quy hoạch do bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan được phân công thực hiện;

4. Tính khả thi của quy hoạch và điều kiện bảo đảm về giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch.

Điều 25. Lấy ý kiến trong quá trình thẩm định quy hoạch

1. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thẩm định quy hoạch quy định tại Điều 23 Nghị định này, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định gửi hồ sơ tới các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến.

2. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thẩm định quy hoạch, các ủy viên phản biện trong Hội đồng thẩm định phải gửi ý kiến bằng văn bản tới cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định để tổng hợp.

3. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định lấy ý kiến chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan về nội dung quy hoạch bằng hình thức tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm chuyên đề và tổng hợp ý kiến báo cáo Hội đồng thẩm định.

Điều 26. Hợp Hội đồng thẩm định quy hoạch

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đủ ý kiến tham gia của các thành viên Hội đồng thẩm định là ủy viên phản biện, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định tổng hợp ý kiến gửi các thành viên của Hội đồng thẩm định quy hoạch và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định về việc tổ chức họp Hội đồng thẩm định quy hoạch.

2. Phiên họp thẩm định quy hoạch được tiến hành khi có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng thẩm định, trong đó có Chủ tịch Hội đồng thẩm định, 2/3 số ủy viên phản biện, đại diện cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định dự họp; có mặt đại diện cơ quan lập quy hoạch và đại diện tổ chức tư vấn lập quy hoạch.

3. Hội đồng thẩm định quy hoạch làm việc theo chế độ tập thể, thảo luận công khai, biểu quyết theo đa số và thông qua biên bản họp thẩm định quy hoạch. Quy hoạch đủ điều kiện trình phê duyệt khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng thẩm định dự họp bỏ phiếu đồng ý nghiệm thu quy hoạch.

Điều 27. Báo cáo thẩm định quy hoạch

1. Báo cáo thẩm định quy hoạch phải thể hiện rõ ý kiến của Hội đồng thẩm định quy hoạch về nội dung thẩm định quy hoạch quy định tại Điều 24 Nghị định này và kết luận về việc quy hoạch đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Báo cáo thẩm định quy hoạch và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến cơ quan tổ chức lập quy hoạch chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc thẩm định.

3. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch.

4. Trên cơ sở kết luận của Hội đồng thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của cơ quan lập quy hoạch, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xem xét quyết định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch.

Mục 2 PHÊ DUYỆT, CÔNG BỐ QUY HOẠCH

Điều 28. Hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử, hồ sơ gồm:

1. Tờ trình;

2. Báo cáo quy hoạch;

3. Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch, nội dung chủ yếu gồm: Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi quy hoạch, quan điểm, mục tiêu tổng quát, chỉ tiêu chung phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử, mục tiêu cụ thể phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử trong các ngành, lĩnh vực, định hướng phát triển các cơ sở nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo, giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch, tổ chức thực hiện;

4. Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch;

5. Báo cáo thẩm định quy hoạch; bản sao ý kiến của chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan;

6. Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định quy hoạch;

7. Hệ thống sơ đồ, bản đồ về quy hoạch (nếu có).

Điều 29. Công bố quy hoạch

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan tổ chức công bố quy hoạch.

2. Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt, nội dung của quy hoạch phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về quy hoạch và quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 30. Lưu trữ hồ sơ quy hoạch

1. Hồ sơ quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử bao gồm:

a) Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này;

b) Hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch quy định tại Điều 28 Nghị định này;

c) Văn bản quyết định phê duyệt quy hoạch;

d) Tài liệu khác (nếu có).

2. Việc lưu trữ hồ sơ quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Chương IV **THỰC HIỆN, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH**

Điều 31. Kế hoạch thực hiện quy hoạch

1. Kế hoạch thực hiện quy hoạch được ban hành sau khi quy hoạch được phê duyệt.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, trong đó bao gồm kế hoạch ban hành chính sách, giải pháp trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 32. Báo cáo về hoạt động quy hoạch

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo về hoạt động quy hoạch đến Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 31 tháng 10 để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 11 hằng năm.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn nội dung và biểu mẫu báo cáo về hoạt động quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

Điều 33. Đánh giá thực hiện quy hoạch

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ được quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan tổ chức đánh giá thực hiện quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử định kỳ hàng năm, năm năm hoặc đột xuất.

2. Trên cơ sở đánh giá hàng năm thực hiện quy hoạch, nếu cần thay đổi, điều chỉnh, bổ sung cục bộ hoặc trong trường hợp xuất hiện những yếu tố mới làm thay đổi từng phần nội dung quy hoạch đã được phê duyệt, quy hoạch phải được nghiên cứu điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch theo nhiệm vụ được phân công tới Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, xây dựng báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch gửi Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch định kỳ là một nội dung của báo cáo về hoạt động quy hoạch quy định tại Điều 32 Nghị định này.

4. Nội dung đánh giá thực hiện quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử được thực hiện theo quy định tại Điều 50 Luật Quy hoạch và Nghị định này. Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn tiêu chí đánh giá thực hiện quy hoạch.

Điều 34. Điều chỉnh quy hoạch

1. Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử được điều chỉnh khi có sự điều chỉnh mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược ngành và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch làm thay đổi nội dung của quy hoạch và dựa trên báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch.

2. Trường hợp điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu quy hoạch, Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch và tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch theo quy định về việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, lưu trữ hồ sơ quy hoạch tại Chương II và Chương III Nghị định này.

3. Trường hợp điều chỉnh cục bộ quy hoạch không ảnh hưởng đến mục tiêu quy hoạch được thực hiện như sau:

a) Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi quy hoạch lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh gửi Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh gồm: Văn bản đề nghị điều chỉnh quy hoạch; Báo cáo thuyết minh điều chỉnh và tài liệu khác (nếu có);

c) Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát hồ sơ, lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương có liên quan (nếu cần thiết);

d) Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp hồ sơ đề nghị điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp cập nhật và thể hiện trong quy hoạch những nội dung được điều chỉnh.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 36. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử quốc gia;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Xuân Phúc